

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2022/DS-ST

Ngày 20-5-2022

V/v tranh chấp liên quan đến yêu cầu
chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật
quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại
do tài sản bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Phong

2. Bà Phạm Hoàng Diễm My

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân
thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Trường Minh Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh
Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST-DS ngày 24
tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp liên quan đến yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất và tranh chấp về bồi thường thiệt hại do
tài sản bị xâm phạm, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐXX-
ST ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Châu Văn T, sinh năm 1951, địa chỉ: T4, khu phố
Đ3, phường H, thị xã H, tỉnh B. (có mặt).

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963, địa chỉ: T6, khu phố Đ3, phường H,
thị xã H, tỉnh B (có mặt).

- Anh Lâm Văn Th, sinh năm 1982, địa chỉ: T6, khu phố Đ3, phường H,
thị xã H, tỉnh B (đề nghị xét xử vắng mặt).

- Anh Lâm Vũ H, sinh năm 1984, địa chỉ: T6, khu phố Đ3, phường H, thị
xã H, tỉnh B (có mặt).

- Anh Lâm Ngọc T, sinh năm 1995, địa chỉ: T6, khu phố Đ3, phường H,
thị xã H, tỉnh B (có mặt).

3. *Người làm chứng:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1949, địa chỉ: T7, khu phố Đ3, phường H, thị xã H, tỉnh B (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn ông Châu Văn T trình bày:*

Thửa đất số 825A tờ bản đồ số 3 tại phường Hoài Tân thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mẹ ông là bà Võ Thị X. Năm 2014, bà X tặng cho ông thửa đất này, ông đã đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2019, khi ông đổ đất nâng nền để sử dụng thửa đất thì bà Đ và các con là anh H, anh T cản trở không cho xe đổ đất, không cho ông sử dụng đất. Riêng anh Th không cản trở. Nay ông yêu cầu bà Đ, anh T, anh H chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng thửa đất số 825A của ông. Ông rút phần yêu cầu này đối với anh Th.

Vào tháng 7 năm 2018, bà Đ đập phá khoảng 34m tường rào xây gạch là mốc giới của thửa đất 825A thuộc quyền sở hữu của ông. Thiệt hại tường rào do bà Đ đập phá là 11.900.000 đồng, đây là giá trị lúc xây dựng tường rào. Ông yêu cầu bà Đ bồi thường cho ông số tiền 11.900.000 đồng. Vì chỉ có một mình bà Đ đập hàng rào nên ông rút phần yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với anh Th, anh H, anh T. Hiện trạng hàng rào không thay đổi gì so với lúc bà Đ đập, ông không yêu cầu định giá lại thiệt hại của tường rào.

- *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, bị đơn trình bày:*

+ *Bà Nguyễn Thị Đ trình bày:* Thửa đất số 825A có nguồn gốc của ông bà bà Phạm Thị Xứng (là mẹ chồng bà) để lại cho bà X1. Bà X1 đã đăng ký kê khai, năm 1985 được Hội đồng đăng ký ruộng đất cấp giấy chứng nhận. Năm 1993, được Nhà nước cấp cho hộ gia đình bà X1 có 04 nhân khẩu. Gia đình bà sử dụng đất ổn định, không ai tranh chấp. Đến năm 2004, bà X kiện bà X1, Tòa án hai cấp tỉnh Bình Định đã xét xử không đúng, lấy đất của hộ gia đình bà giao cho bà X, xâm phạm quyền lợi của gia đình bà. Tháng 7/2018, do gia đình ông T xây dựng hàng rào bao bọc kín ngôi mộ của gia đình nên bà bức xúc và đã đập hàng rào do gia đình ông T xây dựng. Năm 2019, ông T đập tường rào chợ khi chưa được chính quyền cho phép và có ý định sử dụng thửa đất nên bà và các con tên T, H đã ngăn cản. Đất đã được Nhà nước cân đối cho hộ gia đình bà, bà không đồng ý cho ông T sử dụng nên cản trở. Bà không đồng ý với yêu cầu của ông T, yêu cầu ông T phải trả đất cho hộ gia đình bà. Về thiệt hại hàng rào mà ông T yêu cầu, bà chưa đồng ý bồi thường, khi nào trả đất thì sẽ bồi thường. Gia đình bà đã nhiều lần gửi đơn đến Viện kiểm sát nhân dân tối cao để khiếu nại về hai bản án của Tòa án hai cấp tỉnh Bình Định. Hiện trạng hàng rào mà bà đập không thay đổi gì so với thời điểm tháng 7/2018, bà cũng không yêu cầu định giá lại hàng rào này.

+ *Lời khai trình bày của anh Lâm Văn Th trong quá trình giải quyết vụ án:* Anh thống nhất theo ý kiến của bà Đ. Anh không cản trở ông T sử dụng đất.

Đất có nguồn gốc của gia đình bà X1, chính bà X nói là bà chỉ lấy đất ruộng không lấy đất màu và để cho ông V là cha ông sử dụng. Sau này bà X tranh chấp giành đất với gia đình ông là không đúng.

+ *Anh Lâm Vũ H, anh Lâm Ngọc T trình bày:* Hai anh thống nhất theo ý kiến của bà Đ, đất đã có giấy tờ hợp pháp của gia đình nên hai anh cản trở không cho ông T sử dụng. Tòa án xét xử rồi hủy bỏ hết giấy tờ đất của gia đình các anh là không đúng, các anh không đồng ý. Anh H và anh T không chấp nhận yêu cầu của ông T.

- *Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng bà Phạm Thị L trình bày:*

Bà là chị em con nhà chú bác ruột với bà X1, có quan hệ bà con với ông T không thì bà không biết. Thừa đất có tranh chấp có nguồn gốc của cha bà. Trước giải phóng, cha bà cho bà X1 ở nhờ trên đất, sau đó bà X cũng đến xin đất được bà X1 đồng ý nên bà X trồng rau trên một phần đất. Khi xảy ra tranh chấp, bà có ý kiến là đất ở nhờ và đề xuất phân chia nhưng bà X không đồng ý rồi có tranh chấp. Nhà của bà ở xa đất tranh chấp nên chỉ nghe kể lại việc tranh chấp của hai bên chứ không chứng kiến việc cản trở, đập hàng rào.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định:* Việc nhận và xử lý đơn khởi kiện chưa thực hiện đúng qui định của pháp luật. Về xác định quan hệ pháp luật, việc tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án là đúng theo qui định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử, vi phạm qui định tại Điều 203 của Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của ông T, buộc bà Đ, anh T, anh H chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của ông T. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông T, buộc bà Đ phải bồi thường số tiền 6.472.200 đồng. Đình chỉ phần yêu cầu của ông T đối với anh Th, anh H, anh T. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm, bà Đ, anh H, anh T phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng thửa đất số 825A tờ bản đồ số 3 phường Hoài Tân và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản. Đây là tranh chấp về các quyền khác đối với tài sản và tranh chấp về bồi thường thiệt hại theo qui định tại khoản 2, 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp liên quan đến yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất và tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Bị đơn cư trú tại phường H, thị xã H, tỉnh B nên theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự và người làm chứng: Bị đơn anh Th và người làm chứng bà L đề nghị xét xử vắng mặt. Theo qui định tại khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Th và bà L.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 182/DSPT ngày 27/10/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tuyên cấp 836m² đất vườn tại thửa đất số 825 tờ bản đồ số 3 phường Hoài Tân cho bà Võ Thị X. Ngày 01/9/2009, Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 297884 đối với thửa đất số 825A tờ bản đồ số 3, diện tích 836m², loại đất vườn cho bà Võ Thị X (sổ vào sổ H.04916/A13, cấp mới theo Bản án dân sự phúc thẩm số 182/DSPT ngày 27/10/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định). Năm 2014, bà X tặng cho ông T toàn phần quyền sử dụng thửa đất số 825A tờ bản đồ số 3 theo Hợp đồng tặng cho số 582/2014/HĐTC, đã được đăng ký biến động ngày 28/4/2014. Như vậy, ông T là người sử dụng hợp pháp của thửa đất số 825A tờ bản đồ số 3 và có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ sử dụng đất theo quy định tại các điều 166, 170 của Luật Đất đai. Khi ông T đổ đất nâng nền thì bà Đ và hai con là anh T, anh H cản trở không cho xe vào đổ đất, không cho ông T sử dụng đất là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T. Đây là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 12 của Luật Đất đai. Vì vậy, ông T yêu cầu bà Đ, anh T, anh H chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật nên yêu cầu này được chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản: Bà Đ thừa nhận, tháng 7/2018, do bức xúc việc gia đình ông T xây tường rào bao bọc ngôi mộ của gia đình nên bà đã đập tường rào. Bà Đ cũng thừa nhận điều này trong quá trình làm việc tại Công an huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn. Như vậy, bà Đ đã có hành vi cố ý xâm phạm tài sản của ông T gây thiệt hại. Bà Đ là người có lỗi, có đủ năng lực chịu trách nhiệm bồi thường nên phải có trách nhiệm bồi thường cho ông T. Qua định giá tài sản xác định được tường rào mà bà Đ hủy hoại có tổng diện tích 46,9m², giá trị còn lại là 30%. Ông T và bà Đ đều xác định phần tường rào bị đập hiện vẫn nguyên trạng như tại thời điểm bị đập và không yêu cầu định giá lại. Theo qui định hiện hành, giá của tường rào xây gạch 6 lỗ, có móng bằng đá ong là 460.000 đồng/m². Ông T cho rằng tường rào bị bà Đ đập có giá trị 11.9000.000 đồng nhưng không chứng minh được giá trị thiệt hại nên không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, bà Đ phải bồi thường cho ông T số tiền 46,9m² x 460.000 đồng/m² x 30% = 6.472.200 đồng.

[4] Về ý kiến của bà Đ, anh Th, anh H, anh T cho rằng thửa đất số 825A có nguồn gốc của gia đình bà X1, được Nhà nước cấp cho hộ gia đình bà Xung nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T: Việc tranh chấp quyền sử dụng thửa đất số 825A tờ bản đồ số 3 đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nên ý kiến của bị đơn là không có căn cứ.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu anh Th chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật

quyền sử dụng đất và yêu cầu anh Th, anh H, anh T bồi thường thiệt hại về tài sản. Đây là sự tự nguyện của ông T, không trái pháp luật nên đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Bà Đ phải chịu chi phí định giá tài sản là 2.000.000 đồng; bà Đ, anh H, anh T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng, để trả lại cho ông T.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, bà Đ phải chịu án phí là $6.472.200 \text{ đồng} \times 5\% = 323.600 \text{ đồng}$. Bà Đ, anh H, anh T phải chịu án phí là 300.000 đồng. Ông T phải chịu án phí đối với phần giá trị yêu cầu bồi thường không được chấp nhận ($11.900.000 \text{ đồng} - 6.472.200 \text{ đồng} = 5.427.800 \text{ đồng}$) nhưng ông T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 157, 158, 165, 166, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 164, 169, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 10 Điều 12, khoản 1 Điều 26, Điều 166, Điều 170 của Luật Đất đai;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn T.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Đ, anh Lâm Vũ H, anh Lâm Ngọc T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của ông Châu Văn T tại thửa đất số 825A, tờ bản đồ số 3, diện tích 836m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H.04916/A13 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn cấp ngày 01/9/2009.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải bồi thường cho ông Châu Văn T số tiền 6.472.200 đồng (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm đồng).

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Châu Văn T buộc bà Nguyễn Thị Đ phải bồi thường số tiền 5.427.800 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của ông Châu Văn T, yêu cầu anh Lâm Văn Th chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất và yêu cầu anh Lâm Văn Th, anh Lâm Vũ H, anh Lâm Ngọc T bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

3. Về án phí:

3.1. Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 323.600 đồng (Ba trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Bà Nguyễn Thị Đ, anh Lâm Vũ H, anh Lâm Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.3. Ông Châu Văn T được miễn nộp án phí.

4. Về tiền tạm ứng án phí: Khi thụ lý vụ án, ông Châu Văn T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét về tiền tạm ứng án phí.

5. Về chi phí tố tụng:

5.1. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị Đ, anh Lâm Vũ H, anh Lâm Ngọc T phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) để trả lại cho ông Châu Văn T.

5.2. Chi phí định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để trả lại cho ông Châu Văn T.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được Th từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng